Thứ Ba, 12-11-2024. Năm B
Tuesday, November-12-2024. Year B
Tuần 32 Thường Niên
Lễ Nhớ Thánh Josaphat, Giám mục, Tử đạo

Tt 2, 1-8. 11-14 Titus 2:1-8, 11-14
… vững mạnh trong đức tin, đức mến và đức nhẫn nại (Tt 2,2)

Faith, love, and what? Most of us are used to hearing a different trio of virtues: faith, hope, and love. St Paul famously groups these three in 1 Corinthians 13:13, a passage we often hear at weddings. He also connects them in Colossians 1:4-5, Galatians 5:5-6, and 1 Thessalonians 1:3.	Đức tin, tình yêu và những gì khác? Hầu hết chúng ta đều quen nghe một bộ ba đức tính khác nhau: đức tin, đức cậy và đức mến. Thánh Phaolô nổi tiếng nhóm ba đức tính này trong các thư: 1 Côrintô 13,13; một đoạn văn mà chúng ta thường nghe trong các đám cưới. Ông cũng kết nối chúng trong Côlôse 1,4-5; Galát 5,5-6 và 1 Thesalônica 1,3.
So why does St Paul change his formula here to faith, love, and endurance? To understand this, let's think about what hope is. The spiritual gift of hope is more than wishful thinking; it is an active trust in the living God. Your desire for heaven and your determination to rely on God's strength and not your own—these are all rooted in hope. It's this sure hope, in fact, that motivates you to endure challenges.	Vậy tại sao Thánh Phaolô lại thay đổi công thức của mình ở đây thành đức tin, đức mến và sự kiên trì? Để hiểu điều này, chúng ta hãy cùng suy nghĩ về hy vọng là gì. Món quà tinh thần của hy vọng không chỉ là suy nghĩ viển vông; đó là sự tin tưởng tích cực vào Thiên Chúa hằng sống. Mong muốn được lên thiên đàng và quyết tâm dựa vào sức mạnh của Thiên Chúa chứ không phải của riêng bạn - tất cả đều bắt nguồn từ hy vọng. Trên thực tế, chính hy vọng chắc chắn này thúc đẩy bạn chịu đựng những thử thách.
Perhaps there have been times when you felt distant from God. Participating in the sacraments seems like a chore, and you feel no different after you pray. Still, you persevere. You show endurance with every few minutes you spend praying or every time you battle distracting thoughts during Mass. Because you have the gift of hope—the hope that one day you will experience the closeness of the Lord—you are inspired to endure!	Có lẽ đã có những lúc bạn cảm thấy xa cách với Chúa. Việc tham dự các bí tích có vẻ như là một việc vặt, và bạn không cảm thấy khác biệt gì sau khi cầu nguyện. Tuy nhiên, bạn vẫn kiên trì. Bạn thể hiện sự kiên trì với mỗi vài phút bạn dành để cầu nguyện hoặc mỗi lần bạn đấu tranh với những suy nghĩ gây mất tập trung trong Thánh lễ. Bởi vì bạn có ân huệ hy vọng - hy vọng rằng một ngày nào đó bạn sẽ trải nghiệm được sự gần gũi của Chúa - bạn được truyền cảm hứng để kiên trì!
Or consider your relationships. Surely there have been times when you felt frustrated or hurt by someone close to you. Yet you endure	Hoặc hãy xem xét các mối tương quan của bạn. Chắc chắn đã có những lúc bạn cảm thấy thất vọng hoặc bị tổn thương bởi một người thân thiết với mình. Tuy nhiên, bạn chịu đựng

these rough patches by trying your best to persist in patience, forgiveness, and selfless love. You have a fundamental conviction—a certain hope—that God will be with you as you pursue healing and reconciliation. So seen through spiritual eyes, it becomes clear that you are not just "putting up" with this other person. You are placing your hope in God's promises for you and for those around you.	những giai đoạn khó khăn này bằng cách cố gắng hết sức để kiên trì trong sự kiên nhẫn, tha thứ và tình yêu vị tha. Bạn có một niềm tin cơ bản - một hy vọng chắc chắn - rằng Chúa sẽ ở bên bạn khi bạn theo đuổi sự chữa lành và hòa giải. Vì vậy, khi nhìn qua con mắt tâm linh, rõ ràng là bạn không chỉ "chịu đựng" người khác này. Bạn đang đặt hy vọng của mình vào những lời hứa của Chúa dành cho bạn và những người xung quanh bạn.
Paul also talks about the grace of God "training us . . . as we await the blessed hope" of our lives: "the appearance of the glory of the great God and of our savior Jesus Christ" (Titus 2:12-13). Grab hold of that hope today! Let it strengthen you and teach you how to endure. Filled with confident hope in the faithfulness of God, may you never lose sight of his promises!	Thánh Phaolô cũng nói về ân sủng của Chúa "dạy dỗ chúng ta... khi chúng ta chờ đợi niềm hy vọng" trong cuộc sống của chúng ta: "sự xuất hiện của vinh quang của Thiên Chúa vĩ đại và của Đấng cứu chuộc chúng ta là Chúa Giêsu Kitô" (Tt 2,12-13). Hãy nắm lấy hy vọng đó ngay hôm nay! Hãy để nó củng cố bạn và dạy bạn cách kiên trì. Tràn đầy hy vọng tin tưởng vào lòng thành tín của Chúa, xin cho bạn không bao giờ quên đi lời hứa của Ngài!
"Father, thank you for the gift of hope, which strengthens me to endure all things!"	Lạy Cha, con cảm ơn Cha vì ân huệ hy vọng, giúp con mạnh mẽ chịu đựng mọi sự!

Lc 17, 7-10
Chúng tôi chỉ làm những gì chúng tôi phải làm (Lc 17,10)
We have done what we were obliged to do. (Luke 17:10)

The word "gospel" means "good news," but sometimes that news—like today's Gospel reading from Luke—can make us feel a bit uncomfortable. Jesus talks about serving God and taking care of what he wants done even when we have unmet needs of our own. He talks about doing all that's commanded and counting it as only our "duty." We should expect no special gratitude because obeying his commands doesn't make us special; it makes us obedient servants. And that shoe pinches a little, doesn't it?	Hạn từ "Tin mừng" có nghĩa là "tin tốt", nhưng đôi khi tin tức đó - như bài đọc Tin mừng hôm nay của Luca - có thể khiến chúng ta cảm thấy hơi khó chịu. Chúa Giêsu nói về việc phụng sự Thiên Chúa và quan tâm đến những gì Ngài muốn làm ngay cả khi chúng ta có những nhu cầu chưa được đáp ứng của riêng mình. Ngài nói về việc làm tất cả những gì được lệnh và coi đó chỉ là "bổn phận" của chúng ta. Chúng ta không nên mong đợi sự biết ơn đặc biệt nào bởi vì việc tuân theo mệnh lệnh của Ngài không khiến chúng ta trở nên đặc biệt; nó khiến chúng ta trở thành những người đầy tớ vâng lời. Và nó có chút gì không ổn, phải không?

So what is Jesus saying here? Is our relationship with him supposed to resemble that of a master and his slave? Well, God does ask us to obey his commands, but we also know that Jesus died and rose so that we could become his beloved sons and daughters. The real slavery he freed us from is slavery to our worldly passions and desires. Now he invites us into a relationship based on love and mercy, one that involves a divine exchange of our hearts with his. We give him the love that we have in our hearts, and he gives us . . . himself!

Vậy Chúa Giêsu đang nói gì ở đây? Mối tương quan của chúng ta với Ngài có phải giống như mối tương quan của chủ nhân và nô lệ của anh ta không? Vâng, Thiên Chúa yêu cầu chúng ta tuân theo mệnh lệnh của Ngài, nhưng chúng ta cũng biết rằng Chúa Giêsu đã chết và sống lại để chúng ta có thể trở thành con cái yêu dấu của Ngài. Chế độ nô lệ thực sự mà Ngài đã giải thoát chúng ta khỏi là nô lệ cho những đam mê và ham muốn trần tục của chúng ta. Giờ đây, Ngài mời gọi chúng ta vào một mối tương quan dựa trên tình yêu thương và lòng thương xót, một mối tương quan liên quan đến sự trao đổi thiêng liêng của trái tim chúng ta với Ngài. Chúng ta trao cho Ngài tình yêu mà chúng ta có trong trái tim của chúng ta, và Ngài cho chúng ta. . . bản thân Ngài!

As that exchange happens, your acts of obedience are rooted less and less in a sense of obligation and more and more in love for God. And not just in the love you have for God but in the love he has for you. Even when you can't feel it, God is still pouring his love into you through his Holy Spirit (Romans 5:5). That means you can keep serving when you're tired. Or hungry. Or worried. When the baby is fussy, the boss is demanding, or the friend is complaining. All because of this divine exchange of love.

Khi sự trao đổi đó xảy ra, hành vi vâng lời của bạn ngày càng ít bắt nguồn từ ý thức nghĩa vụ và ngày càng yêu mến Thiên Chúa nhiều hơn. Và không chỉ trong tình yêu bạn dành cho Thiên Chúa mà còn trong tình yêu mà Ngài dành cho bạn. Ngay cả khi bạn không thể cảm nhận được điều đó, Thiên Chúa vẫn đổ tình yêu thương vào bạn qua Thánh Linh của Ngài (Rm 5,5). Điều đó có nghĩa là bạn có thể tiếp tục phục vụ khi cảm thấy mệt mỏi. Hay đói khát. Hay lo lắng. Khi đứa bé quấy khóc, ông chủ ra lệnh, hoặc bạn bè phàn nàn. Tất cả chỉ vì sự trao đổi tình yêu thiêng liêng này.

The next time you find yourself struggling to meet yet another need, take a moment to cry out to the Lord, "Increase your love in me!" Trust the Holy Spirit to show you how to receive that love and to give you evidence that it is growing in you. Then you can say, "I am just doing what I am obliged to do," and know the love that eases the pinch.

Lần tới khi bạn thấy mình đang phải vật lộn để đáp ứng thêm một nhu cầu khác, hãy dành một chút thời gian để kêu lên với Chúa, "Xin hãy gia tăng tình yêu thương của Chúa trong con!" Hãy tin cậy Chúa Thánh Thần chỉ cho bạn cách đón nhận tình yêu thương đó và cho bạn bằng chứng rằng tình yêu đó đang lớn dần trong bạn. Sau đó, bạn có thể nói, "Tôi chỉ đang làm những gì tôi có bổn phận phải làm" và biết rằng tình yêu sẽ làm dịu đi sự kìm kẹp.

"Jesus, help me to trust you and experience your love for me as I grow in being your

Lạy Chúa Giêsu, xin giúp con tin cậy Chúa và cảm nghiệm tình yêu thương của Chúa dành

obedient servant."	cho con khi con lớn lên trong vai trò tôi tớ vâng phục của Chúa.

Nguồn: the word among us
Chuyển ngữ: Linh mục Phaolô Vũ Đức Thành, SDD.